

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2022/DSST
Ngày: 01/6/2022
V/v: “Tranh chấp quyền sử
dụng đất và chia thừa kế”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bửu Hòa
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Hùng Cường -Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần,
tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2020/TLST- DS ngày 16
tháng 6 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất và chia thừa kế. Theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 và quyết định
hoãn phiên tòa số: 62/2022/QĐST-DS ngày 23/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Út M, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp T, xã Hùng H,
huyện Tiểu C, tỉnh T.

Nay là ấp K, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T

Người đại diện cho bà Lưu Thị Út M: Ông Lâm Khắc S, sinh năm 1977; Địa
chỉ: số 34 Kiên Thị Nh, k, p, thành phố T, tỉnh T (theo văn bản ủy quyền ngày
01/7/2020) (Vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Ông Lưu Văn S, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp T, xã Hùng H, huyện T, tỉnh T

Nay là ấp K, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T

Người đại diện cho ông Lưu Văn S: Anh Phạm Minh L, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp T, xã Tân A, huyện Càng L, tỉnh T (theo văn bản ủy quyền ngày 25/8/2020) (Vắng mặt có lý do)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lưu Thị R, sinh năm 1940 (vắng mặt, có lý do)

3.2. Lưu Văn S, sinh năm 1947 (đã chết)

Hàng thừa kế của ông Lưu Văn S

3.2.1. Lưu Văn K (vắng mặt, có lý do)

3.2.2. Lưu Văn H (vắng mặt, có lý do)

3.2.3. Lưu Thị Ph (vắng mặt, có lý do)

3.2.4. Lưu Văn H (vắng mặt, có lý do)

3.2. 5. Lưu Văn H (vắng mặt, có lý do)

3.3. Ông Lưu Văn G, sinh năm 1948 (vắng mặt có lý do)

3.4. Bà Lưu Thị U, sinh năm 1942

3.5. Bà Lưu Thị T, sinh năm 1952

3.6. Bà Lưu Thị K, sinh năm 1956

Tất cả cùng địa chỉ: ấp K, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T

Người đại diện cho bà Lưu Thị U, bà Lưu Thị K và bà Lưu Thị T: anh Trần Văn Bé H sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp T, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T (theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2020) (vắng mặt có lý do)

Nay là ấp K, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T

3.7. Bà Lưu Thị Bé E (tên thường gọi Lưu Thị X), sinh năm 1955; Địa chỉ: kh, ph, thành phố Vĩnh L, tỉnh V (vắng mặt, có lý do)

3.8. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979

3.9. Bà Lưu Thị Huỳnh Nh, sinh năm 1998

Địa chỉ: ấp T, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T

Nay là ấp K, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T

3.10. Anh Lê Minh Nh, sinh năm 1983

Địa chỉ: kh, thị trấn Tiểu C, huyện Tiểu C, tỉnh T

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Mỹ H, Lưu Thị Huỳnh Nh, Lê Minh Nh: Anh Phạm Minh L, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp T, xã Tân A, huyện Càng L, tỉnh T (theo văn bản ủy quyền ngày 25/8/2020) (vắng mặt có lý do).

3.11. Anh Trần Văn Bé H, sinh năm 1987 (vắng mặt có lý do)

3.12. Chị Lê Kim Ch, sinh năm 1992 (vắng mặt, có lý do)

Tất cả cùng địa chỉ: ấp T, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T
Nay là ấp K, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T
3.13. Ủy ban nhân dân huyện T (vắng mặt, có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2018 của nguyên đơn bà Lưu Thị Út M quá trình tố tụng anh Lâm Khắc S là người đại diện ủy quyền cho bà Lưu Thị Út M trình bày:

Diện tích đất 2.600 m² thuộc thửa 346 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp T, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T là của gia đình bà Lưu Thị Út M, năm 1999 do thấy điều kiện của anh Lưu Văn S khó khăn, không có chỗ ở ổn định nên bà Út M có cho anh S cất một căn nhà tạm bợ ở nhờ trên đất của bà, quá trình sử dụng ngoài việc cất nhà, anh S còn cố ý lấn chiếm đất cất chuồng trại và sân nuôi gà với tổng diện tích 1.000 m² (thực đo 1.019,2 m²). Ngoài ra ông S còn đắp ngăn đường nước gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của gia đình bà M. Bà M yêu cầu anh Lưu Văn S phải di dời toàn bộ tài sản có trên đất và trả lại diện tích đất 1.000 m² (thực đo 1.019,2 m²) nằm một phần trong tổng diện tích 2.600 m² thuộc thửa 346 cho bà M. Quá trình tố tụng bà M vẫn thống nhất theo biên bản thẩm định, định giá ngày 22/5/2018, bà M thống nhất cho ông S tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.000 m² (thực đo 1.019,2 m²) như sơ đồ bản vẽ theo công văn số 308/CNVPĐKĐĐ ngày 24/7/2018 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T nhưng ông S phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị đất cho bà bằng 85.000.000 đồng (đã trừ chi phí sang lấp mặt bằng).

Quá trình tố tụng Anh Phạm Minh L đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Lưu Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ H, chị Lưu Thị Huỳnh Nh và anh Lê Minh Nh trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 2.600 m² thuộc thửa 346 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp T, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T nay thuộc ấp K, xã Hùng H hiện do bà Lưu Thị Út M đứng tên quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của bà Võ Thị B là bà nội của anh S cho anh S vào năm 1997 với diện tích là 1.000 m² sau khi được bà B cho thì anh S tiến hành khai phá, sang lấp rồi xây dựng căn nhà lá, làm chuồng trại và trồng cây trái trên đất. Năm 2014 con gái anh S là Lê Thị Huỳnh Nh được Ủy ban nhân dân xã Hùng H xây dựng căn nhà tình bạn, năm 2017 con gái anh S cùng con rể ông S là Lưu Thị Huỳnh Nh và Lê Minh Nh tiến hành sửa chữa lại căn nhà với số tiền bằng 300.000.000 đồng, bà Lưu Thị Út M ở liền kề cũng không có ngăn cản và tranh chấp gì. Do ông S và vợ đi làm ăn xa không có ở nhà nên không có đi kê khai đăng ký để cấp quyền sử dụng đất, nên việc bà M được đứng tên quyền sử dụng đất 2.600 m² thuộc thửa 346 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp T, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T là

bao trùm lên diện tích đất 1.000 m² mà ông được bà B cho vào năm 1997. Quá trình tố tụng anh S, chị H, anh Nh và chị Nh vẫn thống nhất theo biên bản thẩm định, định giá ngày 22/5/2018, sơ đồ bản vẽ theo công văn số 308/CNVPĐKĐĐ ngày 24/7/2018 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu C, anh S yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.000 m² (thực đo 1.019,2 m²) anh S đồng ý hoàn trả giá trị đất cho bà M bằng 85.000.000 đồng (đã trừ chi phí sang lấp mặt bằng).

Tại bản tự khai ngày 03/6/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Bé H trình bày : Anh là con của bà Lưu Thị Út M, anh thống nhất với lời trình bày của anh Lâm Khắc S là người đại diện theo ủy quyền của bà M. Đối với phần đại diện ủy quyền cho bà Lưu Thị U, Lưu Thị K và Lưu Thị T thì bà U, bà T và bà K không có tranh chấp gì đối với phần đất đã cấp quyền sử dụng đất cho bà Lưu Thị Út M, việc bà M và ông S tranh chấp thì để bà M và ông S tự giải quyết với nhau.

Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn G: Ông là anh ruột của bà Lưu Thị Út M và là cha ruột của anh Lưu Văn S. Nguồn gốc diện tích đất 2.600 m² thuộc thửa 346 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp T, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T hiện do bà Lưu Thị Út M đứng tên quyền sử dụng đất là của bà Võ Thị B (chết năm 2003) cho anh S vào năm 1997 với diện tích là 1.000 m² khi bà B cho đất thì có làm biên bản cho đất có ông Trần Văn L ký tên hiện nay bà Lưu Thị K đang giữ, giữa ranh đất các bên có cắm trụ đá, nên việc bà M được đứng tên quyền sử dụng đất 2.600 m² thuộc thửa 346 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp T, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà V là bao trùm lên diện tích đất 1.000 m² mà anh S được bà B cho vào năm 1997. Ngày 21/6/2021 ông có đơn yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 2.600 m² thuộc thửa 346 theo quy định của pháp luật. Quá trình tố tụng giữa bà M với ông S thống nhất được với nhau thì ông cũng không có tranh chấp gì, nay ông xin rút lại toàn bộ đơn yêu cầu độc lập ngày 21/6/2021.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Kim Ch trình bày: Đối với vụ án tranh chấp giữa bà Lưu Thị Út M với ông Lưu Văn S không liên quan gì đến lợi ích của chị và chị cũng không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/8/2020 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị R trình bày: Nguồn gốc đất giữa bà Lưu Thị Út M và anh Lưu Văn S đang tranh chấp có nguồn gốc là của mẹ ruột bà là bà Võ Thị B, bà là chị ruột của bà Lưu Thị Út M việc bà M và ông S tranh chấp thì để bà M và ông S tự giải quyết với nhau bà không có ý kiến tranh chấp gì.

Tại biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lưu Văn H; Lưu Văn K; Lưu Văn H trình bày: Cha các anh Là Lưu Văn S (đã

chết vào năm 1984) , ông S là con của bà Võ Thị B là anh ruột của bà Lưu Thị Út M. Việc bà M và ông S tranh chấp thì để bà M và ông S tự giải quyết với nhau các anh không có ý kiến tranh chấp gì.

Tại bản tự khai ngày 21/5/2021 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thị Ph và anh Lưu Văn H trình bày: Cha của anh chị Là Lưu Văn S (đã chết vào năm 1984) , ông S là con của bà Võ Thị B là anh ruột của bà Lưu Thị Út M. Việc bà M và ông S tranh chấp thì để bà M và ông S tự giải quyết với nhau anh chị không có ý kiến tranh chấp gì, để bà M và ông S tự giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/11/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Bé E trình bày: Nguồn gốc đất giữa bà Lưu Thị Út M và anh Lưu Văn S đang tranh chấp có nguồn gốc là của mẹ ruột bà là bà Võ Thị B, bà là chị ruột của bà Lưu Thị Út M, việc bà M và ông S tranh chấp thì để bà M và ông S tự giải quyết với nhau bà không có ý kiến tranh chấp gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần đã xử:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, 161, 165 khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a, khoản 4, điều 95 điểm c, khoản 1 Điều 99, Điều 167, 203 luật đất đai năm 2013

Căn cứ Điều 461, 463 Bộ luật dân sự năm 1995

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Út M

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Lưu Văn S

Hộ anh Lưu Văn S được tiếp tục sử dụng phần đất ký hiệu A không phải trả giá trị quyền sử dụng đất phần đất ký hiệu A diện tích 121,4 m²

Buộc hộ anh Lưu Văn S có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất phần ký hiệu B diện tích 345,8m² bằng 41.496.000 đồng.

Buộc hộ bà Lưu Thị Út M hoàn lại cho hộ anh Lưu Văn S số tiền chênh lệch giá trị do anh S cải tạo bồi bổ đất bằng 10.773.600 đồng và tiền cây dứa có trên diện tích đất phần ký hiệu C số tiền bằng 840.000 đồng cộng chung 11.613.600 đồng. Hộ bà Lưu Thị Út M được trọn quyền sử dụng các cây trái có trên phần đất ký hiệu là C.

Bù trừ qua lại hộ anh Lưu Văn S còn phải hoàn lại cho bà Lưu Thị Út M số tiền 29.882.400 đồng.

Buộc hộ anh Lưu Văn S phải di dời chuồng gà xây dựng trên phần đất ký hiệu C để trả mặt bằng cho hộ bà Lưu Thị Út M.

Hộ anh Lưu Văn S tiếp tục sử dụng phần đất ký hiệu A và B theo sơ đồ bản vẽ thửa thể hiện tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 345 kích thước 23,1 m
 - Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 346 có 03 đoạn:
 - + Đoạn 1 kích thước 2,2 m
 - + Đoạn 2 kích thước 20,9 m
 - + Đoạn 3 kích thước 4,5 m
 - Hướng Bắc giáp lộ Đal kích thước 14 m
 - Hướng Nam giáp phần còn lại thửa 346 kích thước 21,3 m
- Diện tích 467,2 m²

Buộc hộ anh Lưu Văn S có nghĩa vụ giao trả quyền sử dụng đất cho bà Lưu Thị Út M diện tích phần ký hiệu C và đường thoát nước ký hiệu D (D1; D2; D3) theo sơ đồ kèm theo có kích thước tứ cận như sau:

Kích thước phần đất ký hiệu C thể hiện

- Hướng Đông giáp thửa 345 kích thước 16 m
 - Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 346 có 03 đoạn:
 - + Đoạn 1 kích thước 18,44 m
 - + Đoạn 2 kích thước 2 m
 - + Đoạn 3 kích thước 2,8 m
 - Hướng Bắc giáp phần còn lại thửa 346 kích thước 21,3 m
 - Hướng Nam giáp thửa 427 kích thước 20,9 m
- Diện tích 381,4 m²

Kích thước đường thoát nước ký hiệu D có 03 đoạn D1; D2; D3 thể hiện:

* Phần ký hiệu D1

- Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 436 kích thước 18,44 m
 - Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 346 có kích thước 21 m
 - Hướng Bắc giáp phần còn lại thửa 346 kích thước 2 m
 - Hướng Nam giáp thửa 427 kích thước 2 m
- Diện tích 41,6 m²

* Phần ký hiệu D2

- Hướng Đông giáp thửa 345 kích thước 2 m
- Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 346 có kích thước 2 m
- Hướng Bắc giáp phần còn lại thửa 346 kích thước 22,9 m
- Hướng Nam giáp thửa 427 kích thước 25,5 m

Diện tích 50,4 m²

* Phần ký hiệu D3

- Hướng Đông giáp 345 kích thước 39 m

- Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 346 có kích thước 39,1 m

- Hướng Bắc giáp đường Dal kích thước 2 m

- Hướng Nam giáp phần còn lại thửa 346 kích thước 2 m

Diện tích 78,6 m²

(Tất cả có sơ đồ kèm theo)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các bên đương sự đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký và xin cấp lại quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án

Đối với ông Lưu Văn G, bà Lưu Thị T, Lưu Thị K, Lưu Thị U không ai tranh chấp gì phần đất này đối với bà Lưu Thị Út M, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với căn nhà anh Lê Minh Nh và chị Lưu Thị Huỳnh Nh đã bỏ tiền ra xây dựng trên phần đất mà hộ anh Lưu Văn S được tiếp tục sử dụng phần ký hiệu A của sơ đồ giữa bà M, anh S, chị H, anh Nh, chị Nh không ai tranh chấp về căn nhà này Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm trả, chi phí thẩm định, định giá, chi phí giám định, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

Ngày 17/10/2019 bà Lưu Thị Út M là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu hộ ông Lưu Văn S trả lại diện tích 345,8m² bà không đồng ý nhận giá trị đất.

Ngày 17/10/2019 ông Lưu Văn S là bị đơn, bà Nguyễn Thị Mỹ H, chị Lưu Thị Huỳnh Nh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà Lưu Thị Út M, công nhận diện tích đất 1.019 m² thuộc thửa 346, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp T, xã Hùng H, huyện Tiểu C cho hộ ông S được quyền sử dụng.

Tại bản án phúc thẩm số 37/2020/DS-PT ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lưu Thị Út M, ông Lưu Văn S, bà Nguyễn Thị Mỹ H và chị Lưu Thị Huỳnh Nh.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Ý kiến trình bày của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ tranh chấp: quá trình tố tụng phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lưu Văn G có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với thừa đất 346 vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất và chia thừa kế.

- Về nội dung vụ án: Qua trình tố tụng phía nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận này là do họ tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu độc lập của ông Lưu Văn G, quá trình tố tụng ông G không có tranh chấp và xin rút lại đơn yêu cầu độc lập xét thấy đây là sự tự nguyện của ông G nên đề nghị Hội Đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của ông Lưu Văn G. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có tranh chấp gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

- Về chi phí giám định, thẩm định và định giá: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

- *Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.960 thuộc thửa 346 tờ bản đồ số 14 loại đất thổ quả

- *Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp:* Không có.

Những tình tiết các bên thống nhất:

Quá trình tố tụng bà Lưu Thị Út M, đại diện cho anh Lưu Văn S và chị Nguyễn Thị Mỹ H thống nhất anh Lưu Văn S được tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.000 m² (thực đo 1.019,2 m²) thuộc thửa 346 như sơ đồ bản vẽ theo công văn số 308/CNVPĐKĐĐ ngày 24/7/2018 của văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần. Anh S phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị đất cho bà M bằng 85.000.000 đồng (đã trừ chi phí sang lấp mặt bằng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lưu Văn G thống nhất rút lại đơn yêu cầu độc lập ngày 21/6/2021.

Những tình tiết các bên không thống nhất: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đại diện cho nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin giải quyết vắng mặt căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Đại diện cho nguyên đơn, bị đơn, đại diện cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về quan hệ tranh chấp quá trình tố tụng phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lưu Văn G có đơn khởi kiện độc lập yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với thừa đất 346 vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất và chia thừa kế.

[3]. Về nội dung vụ án: Quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lưu Thị Út M, người đại diện cho nguyên đơn thống nhất anh Lưu Văn S được tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.000 m² (thực đo 1.019,2 m²) thuộc thửa 346 như sơ đồ bản vẽ theo công văn số 308/CNVPĐKĐĐ ngày 24/7/2018 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu C. Người đại diện của anh S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ H thống nhất hoàn trả giá trị đất cho bà Lưu Thị Út M bằng bằng 85.000.000 đồng (đã trừ chi phí sang lấp mặt bằng). Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nghi nên chấp nhận.

[4]. Đối với đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quá trình tố tụng ông Lưu Văn G đã rút đơn yêu cầu, việc rút đơn là do ông G tự nguyện nên đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của ông Lưu Văn G.

[5]. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị R, ông Lưu Văn K; Lưu Văn H; Lưu Thị Ph; Lưu Văn H; Lưu Văn H; Lưu Thị Bé E; Lê Kim Ch quá trình tố tụng không có tranh chấp gì đối với thừa đất đã cấp quyền sử dụng đất cho bà Lưu Thị Út M nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về chi phí giám định là 3.630.000 đồng. Do ông G có yêu cầu giám định chữ ký và dấu vân tay, kết quả dấu vân tay không phải là của ông Gáo, còn mẫu chữ ký, ông G không cung cấp được mẫu chữ ký để giám định nên không giám định được vì vậy ông G phải chịu ½ chi phí giám định, bà Lưu Thị Út M phải chịu ½ chi phí giám định.

[6]. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: là 3.146.000 đồng. Bà Lưu Thị Út M và anh Lưu Văn S mỗi người phải chịu ½ chi phí thẩm định và định giá tài sản.

Về án phí: Bà Lưu Thị Út M và anh Lưu Văn S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 161, Điều 165; Điều 217; Điều 228 và Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a, khoản 4, điều 95 điểm c, khoản 1 Điều 99, Điều 167, 203 luật đất đai năm 2013

Căn cứ Điều 461, 463 Bộ luật dân sự năm 1995

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lưu Thị Út M đồng ý cho anh Lưu Văn S được tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.000 m² (thực đo 1.019,2 m²) thuộc thửa 346 loại đất thổ quả tọa lạc tại ấp T, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T, nay thuộc ấp K, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T (kèm theo sơ đồ bản vẽ của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu C tại công văn số 308/CNVPĐKĐĐ ngày 24/7/2018).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lưu Văn S hoàn trả giá trị đất cho bà Lưu Thị Út M bằng 85.000.000 đồng (đã trừ chi phí sang lấp).

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật các bên đương sự đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký và xin cấp lại quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

4. Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của ông Lưu Văn G

5. Về chi phí giám định là 3.630.000 đồng. Buộc ông Lưu Văn G phải chịu 1.815.000 đồng, bà Lưu Thị Út M phải chịu 1.815.000 đồng. Do ông G đã tạm ứng trước nên bà M phải nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần để hoàn trả lại cho ông G

6. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: là 3.146.000 đồng. Bà Lưu Thị Út M phải chịu 1.573.000 đồng và anh Lưu Văn S phải chịu 1.573.000 đồng. Do bà Lưu Thị Út M đã tạm ứng trước 2.646.000 đồng, anh Lưu Văn S đã tạm ứng trước 500.000 đồng nên anh Lưu Văn S nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần số tiền 1.073.000 đồng để hoàn trả cho bà Lưu Thị Út M

7. Về án phí dân sự sơ thẩm là 4.250.000 đồng.

Bà Lưu Thị Út M phải chịu 2.125.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng tại lai thu tiền số 0015424 ngày 10/4/2018 và số tiền tạm

ứng án phí 300.000 đồng tại lai thu tiền số 0018970 ngày 27/8/2018 cùng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, Bà Lưu Thị Út M phải nộp tiếp số tiền án phí là 325.000 đồng.

Ông Lưu Văn S phải chịu 2.125.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bằng 3.000.000 đồng tại lai thu tiền số 0018973 ngày 29/8/20218 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn thừa cho anh Lưu Văn S là 875.000 đồng.

Ông Lưu Văn G là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm tạm ứng án phí và án phí, nên ông G không phải chịu án phí

8. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thạch Thị Thu Hiền

